

NGŨ CẢNH

(1 tiết)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Hiểu được ngữ cảnh là gì.
- Hiểu được các yếu tố tạo nên ngữ cảnh nói chung và chỉ ra được những yếu tố tạo nên ngữ cảnh của những cuộc giao tiếp cụ thể.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

Trước đây, khi nói đến ngữ cảnh, người ta chủ yếu chỉ nói đến hoàn cảnh giao tiếp bên ngoài ngôn ngữ mà không tính đến văn cảnh (một yếu tố thuộc ngôn ngữ). Tuy nhiên, hiện nay trong xu hướng chung muốn xem xét một cách tổng quát những gì có thể ảnh hưởng đến việc tạo lập và lĩnh hội văn bản, người ta cho rằng nên hiểu văn cảnh là một loại ngữ cảnh. Theo cách hiểu như vậy, có thể thấy rằng ngữ cảnh bao gồm văn cảnh và hoàn cảnh giao tiếp.

a) Văn cảnh

Văn cảnh là những đơn vị đứng trước và đứng sau đơn vị ngôn ngữ nào đó, chẳng hạn những từ đi trước và đi sau của một từ, những câu đi trước và đi sau của một câu.

Ví dụ, trong vế đối : "Con ruồi đậu mâm xôi đậu", thì từ "đậu" thứ hai có văn cảnh là "Con ruồi đậu mâm xôi".

Còn trong cặp câu đối :

*Con ruồi đậu mâm xôi đậu,
Con kiến bò đĩa thịt bò.*

thì câu thứ nhất được coi là văn cảnh của câu thứ hai, và ngược lại.

b) Hoàn cảnh giao tiếp

Hoàn cảnh giao tiếp có thể được hiểu theo hai nghĩa : nghĩa hẹp và nghĩa rộng.

Hiểu theo nghĩa hẹp, hoàn cảnh giao tiếp là thời điểm cụ thể, địa điểm cụ thể của cuộc giao tiếp, với các bên giao tiếp cụ thể (với vị thế, với trạng thái hiểu biết, niềm tin và ý đồ giao tiếp của họ).

Chẳng hạn, đoạn trích *Lẽ ghét thương (Truyện Lục Vân Tiên)* thuật lại cuộc trò chuyện giữa ông Quán (chủ quán) và Lục Vân Tiên ở một quán trọ mà các nho sĩ trẻ tuổi ghé lại lúc đang trên đường đến kinh đô ứng thí.

Hiểu theo nghĩa rộng, hoàn cảnh giao tiếp là *bối cảnh văn hoá, xã hội* gắn với cộng đồng người sử dụng ngôn ngữ. Ngôn ngữ tự nhiên nào cũng là ngôn ngữ gắn với một tộc người cụ thể, với truyền thống văn hoá, tâm lí, tập tục,... được hình thành qua lịch sử.

Chẳng hạn, nghe một chàng trai nói với một cô gái :

*Hỡi cô tát nước bên đàng,
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi.*

Để hiểu được cái hay của bài ca dao này, ta cần biết bối cảnh xã hội, văn hoá rộng lớn của nó. Đó là nông thôn Việt Nam ngày xưa, với nghề trồng lúa nước và kinh nghiệm truyền đời "Nhất nước nhì phân...", với những buổi tát nước đêm, cấy đêm,... với truyền thống Nho giáo ảnh hưởng sâu đậm lên mọi sinh hoạt tinh thần của con người, theo đó con trai, con gái muốn bày tỏ tình cảm với nhau thường không suông sã mà trái lại thường chọn những lối nói bóng bẩy, ý nhị, v.v.

Ngữ cảnh thay đổi theo diễn biến của cuộc giao tiếp : có thể có những nhân vật giao tiếp mới xuất hiện, có thể có những nhân vật giao tiếp cũ không tiếp tục tham gia giao tiếp nữa ; ngoài ra, trạng thái tâm lí, trạng thái hiểu biết và ý đồ giao tiếp của các nhân vật giao tiếp cũng có thể thay đổi, đề tài của cuộc giao tiếp cũng có thể thay đổi, v.v.

2. Về phương pháp

GV cần giúp HS hiểu được ngữ cảnh là thuật ngữ rất rộng, bao gồm cả văn cảnh (những yếu tố ngôn ngữ bao quanh đơn vị ngôn ngữ đang được xét nào đó) và hoàn cảnh giao tiếp bên ngoài ngôn ngữ.

Để HS có thể hiểu được, GV cần nêu được những ví dụ sinh động về văn cảnh, hoàn cảnh giao tiếp. Sau đó, GV có thể phân tích để giúp HS chỉ ra được những yếu tố tạo nên văn cảnh và hoàn cảnh giao tiếp.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở đầu

GV giới thiệu vai trò quan trọng của ngữ cảnh đối với giao tiếp và khẳng định ngữ cảnh là một khái niệm rất rộng, gồm tất cả những gì có liên quan đến việc lĩnh hội và tạo lập văn bản.

2. Phần nội dung

Về lí thuyết, GV có thể phân tích theo các mục và dẫn chứng được nêu trong SGK. Nếu có thời gian, GV có thể nêu thêm một số dẫn chứng để làm rõ hơn khái niệm ngữ cảnh và các nhân tố tạo nên ngữ cảnh.

Về bài tập, GV tổ chức và hướng dẫn HS giải các bài tập. Sau đây là gợi ý cách giải bài tập trong SGK.

Bài tập 1

Phần trích *Đổng Mẫu* miêu tả cuộc giao tiếp rất kịch tính giữa Đổng Mẫu, Kim Lân và Ôn Đình. Có thể chỉ ra yếu tố ngữ cảnh của cuộc giao tiếp này như sau :

– Về thời điểm và địa điểm giao tiếp : Cuộc giao tiếp diễn ra trong bối cảnh anh em nhà họ Tạ cướp ngôi vua, một số trung thần trong đó có Kim Lân tìm cách diệt trừ quân phản loạn. Để đối phó, Tạ Ôn Đình bắt mẹ Kim Lân là Đổng Mẫu hòng bức Kim Lân ra hàng.

Cuộc đối đáp giữa Đổng Mẫu, Ôn Đình và Kim Lân xảy ra dưới chân thành : Kim Lân đem quân đến đánh Ôn Đình, Ôn Đình đóng cửa thành cố thủ và đem Đổng Mẫu ra tra tấn để buộc Kim Lân phải đầu hàng.

– Về nhân vật giao tiếp :

Ba nhân vật giao tiếp chính là Đổng Mẫu, Ôn Đình và Kim Lân. Đổng Mẫu là mẹ của Kim Lân, bà bị tướng làm phản là Ôn Đình bắt giam.

Trong cuộc giao tiếp này, Ôn Đình muốn Đổng Mầu khuyên Kim Lân ra hàng, nếu không sẽ bị tra tấn nhục hình. Ôn Đình cũng cho rằng Kim Lân nên có thái độ thức thời, không nên giữ lòng trung một cách cố chấp với vua cũ, vì thời thế đã thay đổi, ngôi vua đã về tay họ Tạ.

Trong khi Kim Lân bị giằng xé giữa tình thương mẹ và lòng căm thù quân phản tặc thì Đổng Mầu lại tỏ ra rất kiên quyết. Bà vạch ra sự phản trắc và hèn hạ của anh em nhà Ôn Đình và bà thà chết chứ không để Kim Lân bị lung lạc.

Bài tập 2

Giao tiếp giữa nhà văn và người đọc là một dạng giao tiếp đặc biệt. Nhân vật giao tiếp ở đây là nhà văn và độc giả. Nhưng đây không phải là cuộc giao tiếp trực tiếp mặt đối mặt mà là giao tiếp thông qua tác phẩm của nhà văn.

Cuộc giao tiếp này không bị giới hạn bởi thời gian và không gian (chẳng hạn, chúng ta có thể đọc *Truyện Kiều* để hiểu những gì Nguyễn Du nhắn gửi, chúng ta cũng có thể đọc tác phẩm của các nhà văn nước ngoài được dịch ra tiếng Việt và hiểu được họ), thông điệp được truyền đi một chiều từ nhà văn đến người đọc, qua những gì được miêu tả trong tác phẩm, nhà văn tác động đến nhận thức và xúc cảm thẩm mỹ của người đọc. Dĩ nhiên, người đọc tác phẩm bao giờ cũng đọc ở một không gian cụ thể, thời gian cụ thể, một thời đại cụ thể. Tất cả đều tham gia vào ngữ cảnh của cuộc giao tiếp *tác giả – tác phẩm – người đọc* và có ảnh hưởng trực tiếp đến sự tiếp nhận của người đọc.

Bài tập 3

Khi tìm hiểu một tác phẩm cụ thể, việc tìm hiểu hoàn cảnh ra đời và tiểu sử của tác giả đóng một vai trò quan trọng, bởi vì hoàn cảnh ra đời của tác phẩm và tiểu sử tác giả là những yếu tố thuộc ngữ cảnh của cuộc giao tiếp tác giả – tác phẩm – người đọc.

Chẳng hạn, khi đọc bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, chúng ta cần biết bài văn tế ra đời khi thực dân Pháp xâm lược miền Nam nước ta, gây ra bao đau thương tang tóc cho những người dân hiền lành, lam lũ, buộc họ phải đứng lên chống trả. Tác giả bài văn tế, nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu là người đã đứng về phía nhân dân, dùng ngòi bút của mình làm vũ khí chiến đấu, vạch tội ác của thực dân Pháp và ca ngợi gương đấu tranh hi sinh của những người nông dân Nam Bộ.

Bài tập 4

Trong đoạn trích *Cha tôi* (Đặng Huy Trứ), tùy theo hoàn cảnh giao tiếp mà các nhân vật dùng từ ngữ có màu sắc trang trọng hay không trang trọng.

3. Phân củng cố

GV giúp HS nắm được các ý chính sau đây :

– Ngữ cảnh là tất cả những gì có liên quan đến việc lĩnh hội và tạo lập văn bản. Ngữ cảnh gồm có văn cảnh và hoàn cảnh giao tiếp.

– Văn cảnh là những yếu tố ngôn ngữ xung quanh đơn vị ngôn ngữ được xem xét nào đó.

– Hoàn cảnh giao tiếp gồm hoàn cảnh giao tiếp hẹp (không gian cụ thể, địa điểm cụ thể, nhân vật giao tiếp cụ thể) và hoàn cảnh giao tiếp rộng (bối cảnh văn hoá, xã hội gắn với cộng đồng người sử dụng ngôn ngữ).